

PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TỈNH KHÁNH HÒA**AQUACULTURE DEVELOPMENT IN KHANH HOA PROVINCE**

Ngày nhận bài: 10/05/2022

Ngày chấp nhận đăng: 25/06/2022

Võ Hoàn Hải[✉]**TÓM TẮT**

Phát triển nuôi trồng thủy sản là một chủ đề rất đáng quan tâm ở các nền kinh tế đang phát triển. Bài viết này nhằm đánh giá kiến nghị các giải pháp phát triển sản xuất NTTS của tỉnh Khánh Hòa. Ở đây sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như phương pháp phân tích thống kê mô tả, phương pháp so sánh và phương pháp khảo sát thực địa đối với số liệu thứ cấp từ Niên giám thống kê và các báo cáo về NTTS của các cơ quan quản lý của tỉnh. Kết quả đã cho thấy quy mô NTTS đã đạt mức ổn định, đã chuyển dần sang áp dụng hình thức nuôi thâm canh nhưng chủ yếu theo chiều rộng, dư địa thâm canh theo chiều sâu nhất là siêu thâm canh rất lớn; cơ cấu NTTS đang có sự thay đổi về chất khi giới hạn về lượng đã hết dư địa thay đổi; các hình thức tổ chức sản xuất được áp dụng khá đa dạng nhưng hình thức hộ nuôi trồng vẫn là phổ biến nên quy mô nuôi trồng nhỏ lẻ, phân tán, năng lực quản trị kinh doanh chưa cao; sản lượng NTTS gia tăng theo chiều rộng đã hết dư địa và chỉ có thể dựa trên tăng năng suất nhờ cải tiến kỹ thuật và công nghệ; dư địa nâng cao hiệu quả NTTS khá rộng nhờ tiết giảm chi phí thức ăn và thiết bị thiết yếu nuôi trồng, con giống và nhân công.

Từ khóa: Nuôi trồng thủy sản; Phát triển nuôi trồng thủy sản; Chuyển dịch cơ cấu; Thâm canh nuôi trồng thủy sản; Tổ chức sản xuất nuôi trồng thủy sản.

ABSTRACT

Aquaculture development is a topic of great interest in developing economies. This article aims to evaluate and propose solutions to develop aquaculture production in Khanh Hoa province. In the study, a combination of different methods such as descriptive statistical analysis, comparative methods and field survey methods are used for secondary data from the Statistical Yearbook and reports on Vietnam's aquaculture and provincial-level governing bodies. The results show that the aquaculture scale has reached a stable level, and gradually switched to applying the form of intensive farming in breadth. The structure of aquaculture is changing in a positive direction, in which the forms of production organization are applied quite diversely. However, the form of farming households is still popular, so the farming scale is quite small and scattered, and the business administration capacity is not high. The expansion of aquaculture production in breadth has run out of space and can only be developed on the basis of increased productivity through technical and technological improvements. The potential for improving aquaculture efficiency is quite large thanks to the reduction in the cost of feed and essential farming equipment, seed and labor.

Keywords: Aquaculture; Aquaculture development; Structural transformation; Intensive aquaculture; Organization of aquaculture production.

1. Giới thiệu

Khánh Hòa có tiềm năng rất lớn để phát triển nuôi trồng thủy sản (NTTS). Những năm qua ngành NTTS cũng đóng vai trò rất lớn trong nền kinh tế. Sự gia tăng sản lượng tương đối cao và được duy trì suốt trong nhiều năm qua, nhưng tăng trưởng sản lượng khá biến động và tăng trưởng vẫn trong tình

trạng chi phí trung gian khá cao. Cơ cấu NTTS đã có sự chuyển dịch khá rõ nét, sự thay đổi cơ cấu không đều, khá nhanh, sau đó chậm dần kéo theo chất lượng chuyển dịch cơ cấu chưa cao. NTTS đã huy động được

Võ Hoàn Hải, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa
✉Email: vhhai@khanhhoa.edu.vn

khá lớn các nguồn lực cho sản xuất, phân bổ chưa thực sự hợp lý và hiệu quả và năng suất chưa thật cao. Tổ chức sản xuất NTTS có sự thay đổi khá chậm và trình độ chưa cao với hình thức hộ gia đình là chủ yếu, quy mô nhỏ là chủ yếu. Sản xuất chủ yếu tập trung ở khâu sản xuất, chưa theo chuỗi và thiếu vắng các doanh nghiệp tham gia liên kết nên khả năng thâm nhập thị trường chưa cao. Hiệu quả sản xuất NTTS không cao và tăng chậm, hiệu quả của các ngành trong NTTS có xu thế trái chiều với nhau. Bài báo này nhằm góp phần giải quyết những vướng mắc và hạn chế cho sự phát triển NTTS và tạo ra động lực lớn cho sự phát triển ngành này

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Các lý thuyết liên quan tới phát triển NTTS

NTTS là một phân ngành trong nông nghiệp, nên các lý thuyết về phát triển nông nghiệp sẽ tạo nền tảng cho nghiên cứu về phát triển NTTS. Lý thuyết phát triển nông nghiệp theo cách tiếp cận đề cao vai trò của nông nghiệp trong quá trình chuẩn bị cho công nghiệp hóa; Lý thuyết nhị nguyên về phát triển nông nghiệp của Lewis (1954); Lý thuyết thay đổi cách thức tăng trưởng trong nông nghiệp của Sung Sang Park (1992); Lý thuyết phát triển về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các lý thuyết phát triển nông nghiệp này đã chỉ ra cách thức phát triển nông nghiệp nói chung và NTTS nói riêng.

2.1.2. Các công trình nghiên cứu thực nghiệm

Dwight H . Perkins et al (2013) đã khẳng định ở các nước đang phát triển thì phải tập trung giải quyết tình trạng công nghệ lạc hậu và thay thế bằng công nghệ hiện đại hơn, chính sách phát triển hợp lý mà trong đó là chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và cuối cùng là thể chế cho phát triển nông nghiệp nói chung và NTTS nói riêng. Julian M.Alston (2014) đã khẳng định muốn phát

triển thủy sản, các nền kinh tế này cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu ngành này, có như vậy mới tạo ra sự phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả. Mohamed Behnassi et al (2012) cho rằng sử dụng bền vững tài nguyên đất như hướng phát triển nông nghiệp và thủy sản bền vững; Đó là quản lý bền vững tài nguyên nước tại các trang trại, cánh đồng nuôi trồng, giảm thất thoát nước; Mở rộng giáo dục và áp dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Dinesh Kumar et al (2013) đã khẳng định phải chú trọng tới tăng đầu tư phát triển công trình thủy lợi, làm cơ sở nâng cao năng suất nuôi trồng một cách bền vững trong phát triển nông nghiệp. Madan M. Dey và nhóm tác giả (2010) chỉ ra rằng sự phát triển NTTS được xem xét thông qua quy mô, sản lượng nuôi trồng; hiệu quả và kỹ thuật công nghệ nuôi trồng. E. Rurangwa và nhóm tác giả (2016) khẳng định NTTS nói chung và tôm nói riêng cần tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu; việc nuôi trồng cần tập trung và tốt hơn, cải tiến công thức và quản lý thức ăn; Tập trung vào việc cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm đồng thời giảm các tiêu cực xã hội và phối hợp quản lý bệnh tật như các ưu tiên kỹ thuật cốt lõi. IT Apriliani và nhóm tác giả (2021) chỉ ra rằng hạn chế của công nghệ nuôi trồng, cung cấp thức ăn, cung cấp con giống, tỷ lệ chết và tỷ lệ dịch bệnh của tôm hùm là những điểm yếu trong phát triển nuôi tôm hùm. Bên cạnh đó, việc phụ thuộc vào các thị trường Trung Quốc được coi là mối đe dọa lớn cần phải đổi mới.

2.1.3. Nội hàm phát triển NTTS rút ra cho nghiên cứu:

Phát triển NTTS là quá trình vận động, thay đổi theo hướng hoàn thiện hơn theo thời gian trên cả kinh tế, xã hội, môi trường của hoạt động NTTS. Quá trình này đi kèm với huy động, phân bổ nguồn lực, tổ chức sản xuất và phân bổ nguồn lực từ đó gia tăng

năng lực sản xuất NTTS cùng sản lượng tạo ra đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường cả lượng và chất. Phát triển NTTS được biểu hiện qua mở rộng quy mô nuôi trồng; thay đổi cơ cấu cho hợp lý, nâng cao trình độ thâm canh; hình thành và phát triển các dịch vụ hỗ trợ nuôi trồng và gia tăng được kết quả và hiệu quả NTTS.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Địa bàn nghiên cứu

Khánh Hòa là một tỉnh ven biển thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và nằm ở phần cong vượn ra biển xa nhất về phía Đông. Điều kiện tự nhiên của tỉnh nhất là vị trí địa lý và bờ biển dài là điều kiện để hình thành và phát triển NTTS của tỉnh. Kinh tế xã hội của tỉnh đã có sự phát triển khá nhanh, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực, cơ sở hạ tầng được hoàn thiện, các mặt xã hội cũng được cải thiện nhờ thành quả tăng trưởng kinh tế. NTTS có vai trò lớn trong nền kinh tế tỉnh. Tỷ lệ đóng góp từ NTTS vào giá trị gia tăng ngành thủy sản là gần 33% năm 2010 và 43,3% năm 2020, tăng hơn 13%. Đóng góp của NTTS vào GRDP của ngành NLTS đạt 16% năm 2020 và gần 39% năm 2020. (Tương đương với khoảng 1,7% năm 2010 và 4% năm 2020).

2.2.2. Phương pháp phân tích:

Nghiên cứu kết hợp nhiều phương pháp (i) Phân tích thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được về NTTS qua các cách thức khác nhau. Phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận cùng cung cấp những tóm tắt đơn giản về các đặc tính của đối tượng nghiên cứu với NTTS. Cùng với phân tích đồ họa đơn giản, chúng tạo ra nền tảng của mọi phân tích định lượng số liệu về phát triển NTTS. Để làm rõ bản chất các hiện tượng và đánh giá chính xác quá trình này, cần nắm được các phương pháp cơ bản của mô tả dữ liệu.

Có rất nhiều kỹ thuật hay được sử dụng; (ii) Phương pháp so sánh xem xét các chỉ tiêu liên quan tới hoạt động và phát triển NTTS bằng cách tham chiếu các tiêu chuẩn đã có và số liệu thực tế của quá trình sản xuất hay có thể so sánh giữa với các địa phương khác trong vùng theo từng thời kỳ để thấy sự thay đổi cũng như mức biến động; (iii) Phương pháp khảo sát thực địa được áp dụng trong quá trình điều tra, khảo sát thực tế các đối tượng nghiên cứu, từ đó tiếp cận được các nguồn thông tin, dữ liệu và các ý kiến đóng góp của các đối tượng trực tiếp hưởng lợi từ quy hoạch thông qua tham vấn cộng đồng.

2.2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu được thu thập chủ yếu từ Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa và các huyện trong tỉnh và một số số liệu từ một số sở ban ngành của tỉnh.

Số liệu sơ cấp là các dữ liệu có được thông qua quá trình phỏng vấn và khảo sát ý kiến đối với các chủ thể liên quan sự phát triển NTTS tỉnh Khánh Hòa: Phương pháp phỏng vấn trực tiếp bằng phiếu điều tra; Phương pháp thảo luận nhóm thực hiện qua phương pháp đánh giá có sự tham gia (PRA).

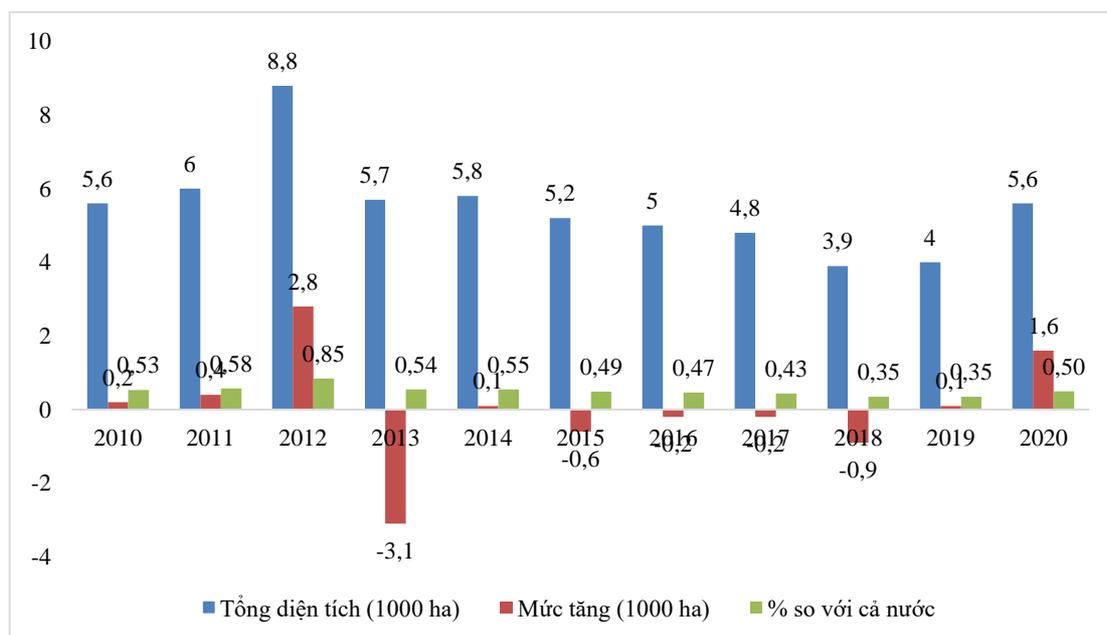
3. Kết quả và đánh giá

3.1. Quy mô nuôi trồng thủy sản tỉnh Khánh Hòa

Mở rộng diện tích NTTS. Quy mô diện tích nuôi trồng trong 10 năm qua dường như đã đạt mức độ ổn định, tổng diện tích sẽ duy trì trên dưới 5000 ha. Điều này cũng hàm ý rằng phát triển NTTS khó có thể dựa trên gia tăng diện tích mặt nước NTTS hay khó có thể tăng về lượng. Tổng diện tích mặt nước NTTS của tỉnh khá biến động. Năm 2010 có 5,6 ngàn ha, năm 2012 tăng lên 8,8 ngàn ha, sau giảm dần và năm 2020 trở lại mức 5,6 ngàn ha, chiếm hơn 0,5% tổng diện tích

NTTS của Việt Nam (Hình 1). Diện tích tiềm năng nước ngọt là 1.200 ha, và nuôi mặn, lợi là 5.000 ha. Trong giai đoạn 2011 - 2020 thì khả năng khai thác của tỉnh năm 2011 là 64,4% đối với nuôi nước ngọt và 65,7% đối

với nuôi nước mặn, lợi sau đó giảm dần qua các năm và đến năm 2020 thì tỷ lệ này chỉ còn 44,8% đối với nuôi nước ngọt và 50,2% đối với nuôi nước mặn.



Hình 1. Quy mô và mức tăng diện tích mặt nước NTTS tỉnh Khánh Hòa

Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê các tỉnh Khánh Hòa

Số lượng cơ sở NTTS, Số lượng cơ sở NTTS cũng đã đạt số lượng ổn định và điều chỉnh giảm dần nhất là số hộ nuôi trồng, nhưng HTX, doanh nghiệp và trang trại có xu hướng tăng. Điều này hàm ý đang có sự thay đổi về chất tuy chậm hơn là lượng cơ sở nuôi trồng.

Vốn cho NTTS, Nguồn vốn đã tăng đều qua các năm đóng góp lớn vào mở rộng quy mô NTTS. Vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng và tài sản cố định tăng đều, vốn kinh doanh NTTS rất lớn và được tài trợ bởi hệ thống ngân hàng ngày càng tăng nhưng đây vẫn là khó khăn của ngành.

Lao động cho NTTS, Số lượng lao động huy động vào NTTS không tăng do quy mô nuôi trồng đang chuyển sang tăng về chất, đòi hỏi chất lượng lao động cao hơn. Tuy nhiên chất lượng lao động làm việc NTTS

chưa cao, nhưng chủ hộ nuôi trồng lại có trình độ và kinh nghiệm khá, có năng lực tiếp nhận kỹ thuật và công nghệ nuôi trồng mới.

3.2. Thâm canh NTTS

NTTS đã chuyển dần theo hình thức thâm canh cả lượng và chất. Diện tích và số hộ đều tăng dần và điều kiện để thực hiện cũng được cải thiện nhờ đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật tăng, ứng dụng khoa học công nghệ ngày càng chú trọng, trình độ lao động được cải thiện. Tuy nhiên NTTS thâm canh vẫn còn rất nhiều dư địa để thực hiện nhất là khả năng mở rộng ứng dụng kỹ thuật công nghệ, khả năng tiếp nhận của người nuôi trồng

Nếu năm 2010 trong tổng diện tích mặt nước nuôi trồng 5.600 ha có chỉ 44,5% nuôi thâm canh thì năm 2015 tỷ lệ này đã đạt 55% diện tích và năm 2020 đạt gần 60%. Điều này cũng được thể hiện qua số hộ tham

gia nuôi thâm canh nhiều hơn. Tỷ lệ chung các hộ tham gia nuôi trồng theo thâm canh chiếm gần 70% trong khi bán thâm canh chỉ là hơn 30%.

Mức tăng đầu tư thực hiện vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật NTTS có xu thế tăng cho dù có hai năm 2015 và 2019 giảm. Nhưng ngay sau đó, năm 2016 và 2020 lại tăng mạnh 5,75 và 6,72 tỷ đồng. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên bờ có hệ thống kênh mương thủy lợi chung và cho NTTS. Nhờ hệ thống này, tỷ lệ diện tích được chủ động cấp, thoát nước theo hệ thống năm 2020 tăng lên 75-80% cao hơn gần 10% so với 5 năm trước.

Mức đầu tư cố định trên 1 lao động NTTS năm 2011 là 0,66 triệu đồng, năm 2015 đạt 0,77 triệu đồng và năm 2020 đạt 1,45 triệu đồng. Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm lần lượt là gần 7,7%, hơn 32% và 5,8%. Xét theo hộ nuôi trồng, mức độ áp dụng khoa học kỹ thuật được thể hiện ở tiêu chí Đầu tư cố định/chi phí lao động. Dựa trên số liệu khảo sát các hộ NTTS, so sánh chi phí cố định vào máy móc thiết bị của hộ nuôi và chi phí lao động của tôm hùm biển là 2,86 lần, tôm thẻ chân trắng là 3,70 lần, cá biển là 1,43 lần và ốc hương 2,58 lần. Theo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn định mức này của nuôi tôm tăng 15-20%, ốc hương tăng 10% và cá biển không thay đổi so với 2015. Tỷ lệ hộ NTTS sử dụng giống mới, giống có năng suất cao năm 2020 đạt 93,3% tăng 17,8% so với năm 2015. Trong đó với nuôi tôm thẻ chân trắng đạt cao hơn mức trung bình 1,7%, tôm hùm cao hơn 0,7%, ốc hương thấp hơn 0,5%. Số hộ trang bị máy móc mới trong NTTS năm 2020 tăng hơn 10,1% và đạt 68,6%.

Khảo sát các hộ NTTS cho thấy: đa phần người nuôi tự bản thân họ tìm hiểu và tích lũy kinh nghiệm hay học qua báo đài, chiếm khoảng 77% -89%, chỉ khoảng 11-20% được tập huấn. Cụ thể có gần 80% số hộ nuôi cá bẹ

tự bản thân họ tìm hiểu và tích lũy kinh nghiệm, chỉ 20% từ tập huấn. Tỷ lệ này với người nuôi tôm thẻ chân trắng là 77% và 23%. Với người nuôi tôm hùm thì tỷ lệ tự bản thân họ tìm hiểu và tích lũy kinh nghiệm cộng với học từ báo đài chiếm tới 85%, 13% từ tập huấn và 2% từ cách khác. Với người nuôi ốc hương 88,8% số hộ nuôi cá bẹ tự bản thân họ tìm hiểu và tích lũy kinh nghiệm, chỉ có 11,2% từ tập huấn. Điều này cho thấy hệ thống khuyến ngư và các nỗ lực tập huấn truyền dạy kỹ thuật chọn giống, nuôi trồng mới, phòng trừ dịch bệnh... còn khá hạn chế, nhiều chương trình chưa tới người nuôi trồng.

3.3. Chuyển dịch cơ cấu NTTS

Cơ cấu NTTS đang có sự thay đổi về chất khi giới hạn về lượng đã hết dư địa thay đổi. NTTS tập trung sản xuất cao hơn - cơ sở hình thành cụm ngành sản xuất NTTS, thực hiện chuyên canh và tập trung vào loài có năng suất cao. Cơ cấu diện tích theo vật nuôi thể hiện trên hình 3.8. Diện tích NTTS chủ yếu là nuôi tôm và cá, khoảng hơn 87% diện tích năm 2010 và hơn 68% năm 2015 và hơn 67% năm 2020. NTTS chủ yếu tập trung ở bốn địa phương Cam Ranh, Ninh Hòa, Cam Lâm, và Vạn Ninh. Năm 2010 tổng diện tích của các địa phương này là khoảng 96% và năm 2020 là khoảng 97%. Trong 4 địa phương này, năm 2020 thị xã Ninh Hòa chiếm gần 57,8% tổng diện tích, tăng 8,7% so với 2010. Tiếp đó là huyện Vạn Ninh năm 2020 chiếm 18,3% giảm 1,7% so với năm 2010. Thành phố Cam Ranh năm 2020 chiếm 11,3% diện tích, giảm 3,9% so với 2010. Cam Lâm hiện còn gần 10%, giảm 1,6% so với năm 2010. Tỷ trọng NTTS theo phương thức thâm canh có xu hướng tăng. Năm 2010 tỷ trọng của phương thức này chiếm 44,5% năm 2020 là 58,8%, tăng 14,3%. Trong khi đó diện tích NTTS theo phương thức quản canh giảm dần, năm 2020 chỉ còn 41,2%.

3.4. Tổ chức sản xuất trong NTTS

Trong NTTS của tỉnh Khánh Hòa, dù đã có đủ các hình thức như doanh nghiệp, HTX, trang trại và hộ nuôi trồng nhưng hộ nuôi trồng vẫn là hình thức chiếm đại đa số. Nên quy mô nuôi trồng nhỏ lẻ, phân tán, năng lực quản trị kinh doanh chưa cao. Đã hình thành các chuỗi liên kết ngành - mô hình chuỗi cung cấp thủy sản nuôi an toàn theo VietGAP thông qua các tổ hợp tác, tổ đội nghề nghiệp hay liên kết dọc theo mô hình chuỗi giá trị.

Trong giai đoạn trước 2011 - 2015 thì hình thức tổ chức sản xuất NTTS tỉnh Khánh Hòa bao gồm doanh nghiệp và hộ gia đình. Tuy nhiên giai đoạn 2015 - 2020 thì số lượng trang trại tăng lên rất nhiều. Các trang trại hiện nay thường được xây dựng rất có quy mô và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nên năng suất NTTS tăng lên đáng kể. Số HTX tăng chậm, từ 3 HTX năm 2011, năm 2015 là 7 HTX và năm 2020 là 8 HTX. Ngoài ra, số lượng các doanh nghiệp tham gia NTTS cũng tăng lên từ 10 doanh nghiệp năm 2011 lên 14 doanh nghiệp năm 2015 và 16 doanh nghiệp năm 2020. Trong các doanh nghiệp hiện NTTS tại tỉnh Khánh Hòa có công ty TNHH thủy sản Australis VN, một công ty Mỹ hiện đang đầu tư nuôi thủy sản tại vịnh Vân Phong từ năm 2010 và tập trung đầu tư, nghiên cứu kỹ thuật, tuyển dụng chuyên gia từ nước ngoài, đào tạo cán bộ quản lý và phát triển thị trường quốc tế cho cá chẽm. Đến nay, Australis là một trong những công ty nuôi cá biển hiện đại nhất tại VN. Hiện nay mỗi năm công ty xuất khoảng 10.000 tấn cá với bốn nhà máy gia công chế biến ở Khánh Hòa sử dụng khoảng 1.000 công nhân. Công ty đang trên đà tăng sản lượng cá khoảng 35% mỗi năm.

3.5. Kết quả và hiệu quả NTTS tỉnh Khánh Hòa

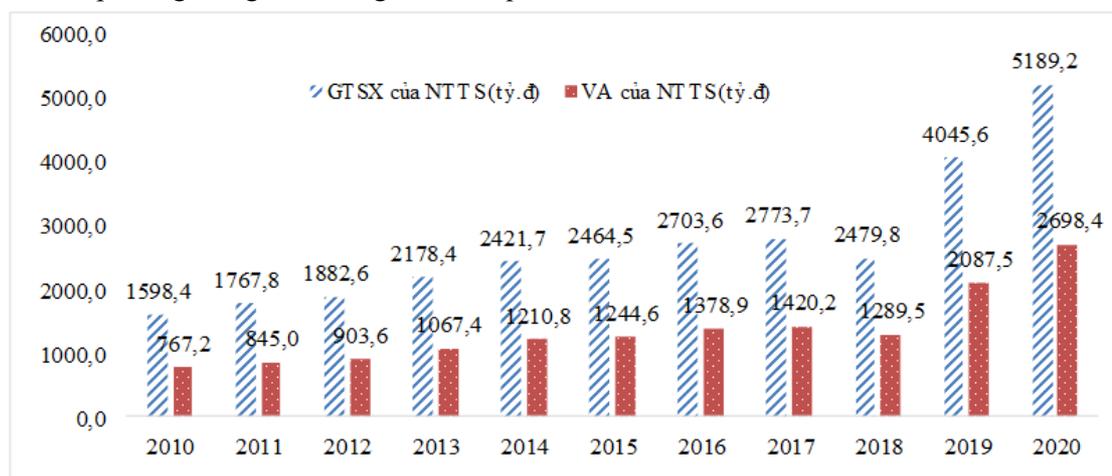
Giá trị sản xuất và giá trị gia tăng trong NTTS tăng khá nhưng giá trị gia tăng tăng

nhơn hơn nhờ giảm bớt chi phí trung gian. Sản lượng nuôi trồng trong 10 năm qua dường như đã đạt mức độ ổn định, Sản lượng thay đổi chịu ảnh hưởng bởi sự biến động diện tích nuôi trồng dù năng suất có tăng nhẹ. NTTS tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi - cơ sở để hình thành vùng chuyên canh tập trung và cụm ngành sản xuất chế biến thủy sản, đồng thời đã có sự dịch chuyển từ tôm sang nuôi cá. Giá trị sản xuất của NTTS tăng từ mức 1.598 tỷ đồng năm 2010, đạt 2.464 tỷ đồng năm 2015 và 5.189 tỷ đồng năm 2020, tăng 3,24 lần. Trong 10 năm qua, giá trị gia tăng-VA đã tăng hơn 3,5 lần. Từ mức 767 tỷ đồng năm 2010 đã đạt mức 2.598 tỷ đồng năm 2020 (Hình 2). Từ năm 2010 tới 2020 chia thành 2 xu hướng. Giai đoạn ổn định 2010-2015, trong giai đoạn này sản lượng NTTS tăng nhẹ năm 2011, sau đó giảm nhẹ trong 2 năm 2012 và 2013 và tăng tới đỉnh năm 2014 và giảm nhẹ năm 2015. So với các tỉnh lân cận ở Nam Trung Bộ trong 10 năm qua, mức sản lượng NTTS của Khánh Hòa cao nhất. Sản lượng NTTS của tỉnh đã tập trung sản xuất ở một số địa phương ven biển có điều kiện thuận lợi như Cam Ranh, Ninh Hòa, Cam Lâm, Vạn Ninh. Nhưng sản lượng lớn nhất ở 2 địa phương là Cam Ranh, Ninh Hòa. Trong 10 năm qua, quy mô sản lượng tăng chủ yếu nhờ sản lượng của thị xã Ninh Hòa gia tăng.

Năng suất NTTS tỉnh Khánh Hòa đã tăng đều trong 10 năm qua xét cả về giá trị và sản lượng, do địa tăng năng suất theo chiều rộng không còn nhiều nên cần tập trung vào các nhân tố chiều sâu. Giá trị sản xuất trên 1 ha đạt 285 triệu đồng năm 2010 và 926.6 triệu đồng năm 2020, tăng 3,24 lần. Chỉ tiêu này tăng chậm hơn so với giá trị gia tăng trên 1ha (gần 3,5 lần). Nhưng khi xem xét mức sản lượng trên 1 ha tăng chỉ gần 1,6 lần (3,98/2,49), mức năng suất này tương đương với mức trung bình của vùng Nam Trung bộ nhưng chỉ bằng 70% của cả nước. Trong hai

loài thủy sản nuôi trồng chủ lực ở đây, năng suất của tôm tăng 4,8 lần và cá tăng 1,25 lần trong 10 năm qua. năng suất nuôi trồng theo các địa phương trong tỉnh trong 10 năm qua

đều có xu hướng tăng, trong đó tăng ổn định ở vùng nuôi trồng chủ lực Cam Ranh và Ninh Hòa.



Hình 2. Giá trị sản xuất và gia tăng của NTTS tỉnh Khánh Hòa

Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa

Hiệu quả NTTS của hộ tùy thuộc rất nhiều vào hình thức nuôi trồng, tiềm năng để tăng hiệu quả phụ thuộc vào tiết giảm chi phí thức ăn và thiết bị thiết yếu nuôi trồng, con giống và nhân công. Trong NTTS, chi phí đầu vào là chi phí chiếm tỷ lệ cao nhất, trong đó chi phí mua thức ăn và thiết bị thiết yếu chiếm 85,42% đối với nuôi lồng theo hình thức HDPE, 77,13% đối với ao nuôi lót bạt. Chi phí con giống chi 5,3% với nuôi lồng theo hình thức HDPE và 10,17% đối với ao nuôi lót bạt. Chi phí nhân công chiếm khoảng 5% đến 10% trong tổng chi phí. Tuy nhiên do công lao động bỏ ra trong quá trình nuôi không đều, tập trung chủ yếu trong giai đoạn đầu cải tạo ao nuôi, thả con giống và giai đoạn thu hoạch nên đối với các hộ nuôi dùng hình thức thuê nhân công sau đó là tự chăm sóc lấy công làm lời.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu trên đã rút ra những kết luận và cũng là phát hiện chính sau:

Thứ nhất, quy mô NTTS của tỉnh Khánh Hòa đã đạt mức ổn định (diện tích mặt nước

nuôi trồng, số lượng cơ sở nuôi và nhân lực...). Để phát triển ngành này khó có thể mở rộng quy mô về lượng mà phải chuyển sang tăng cường đầu tư chiều sâu thâm canh.

Thứ hai, NTTS đã chuyển dần sang áp dụng hình thức nuôi thâm canh nhưng chủ yếu theo chiều rộng, dư địa thâm canh theo chiều sâu nhất là siêu thâm canh rất lớn nhờ tăng cường đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật và tiếp nhận chuyên gia công nghệ mới, nâng cao chất lượng nhân lực.

Thứ ba, cơ cấu NTTS đang có sự thay đổi về chất khi giới hạn về lượng đã hết dư địa thay đổi. Cơ cấu theo địa phương NTTS có xu hướng tập trung vào những nơi có lợi thế lớn như Cam Ranh và Ninh Hòa. Bước đầu cho sự hình thành vùng chuyên canh nuôi trồng quy mô lớn làm cơ sở phát triển cụm ngành nuôi trồng chế biến thủy sản ở tỉnh và vùng.

Thứ tư, trong NTTS của tỉnh Khánh Hòa, các hình thức tổ chức sản xuất được áp dụng khá đa dạng nhưng hình thức hộ nuôi trồng vẫn là phổ biến nên quy mô nuôi trồng nhỏ lẻ, phân tán, năng lực quản trị kinh doanh

chưa cao. Ở đây cũng đã hình thành các chuỗi liên kết ngành - mô hình chuỗi cung cấp thủy sản nuôi an toàn theo VietGAP thông qua các tổ hợp tác, tổ đội nghề nghiệp hay liên kết dọc theo mô hình chuỗi giá trị.

Thứ năm, kết quả NTTS tăng khá nhưng giá trị gia tăng tăng nhanh hơn nhờ giảm bớt chi phí trung gian. Sản lượng NTTS gia tăng theo chiều rộng đã hết dư địa và chỉ có thể dựa trên tăng năng suất nhờ cải tiến kỹ thuật

và công nghệ. Kết quả NTTS được tạo ra ở các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn. Năng suất NTTS ở mức trung bình ở Việt Nam, tăng đều nhưng dư địa tăng năng suất theo chiều rộng không còn nhiều nên cần tập trung vào các nhân tố chiều sâu. Dư địa nâng cao hiệu quả NTTS khá rộng nhờ tiết giảm chi phí thức ăn và thiết bị thiết yếu nuôi trồng, con giống và nhân công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dinesh Kumar et al (2013), Water Management, Food Security and Sustainable Agriculture in Developing Economies, *Springer*, New York City.
- Dwight H. Perkins et al (2013), *Kinh tế Phát triển*, W. W. Norton & Company -2013
- E. Rurangwa et al (2016), Aquaculture Innovation in Vietnam, *Wageningen Marine Research*.
- IT Apriliani et al (2021). International and National Symposium on Aquatic Environment and Fisheries, *Earth and Environmental Science* 674 (2021) 012052.
- Julian M. Alston (2014), Agriculture in the Global Economy, University of California.
- Lewis, A. W. (1954), Economic Development with Unlimited Supplies of Labour, *The Manchester School*, 22 (2), 1954, pp 139-191.
- Madan M. Dey et al (2010), Demand for aquaculture development: perspectives from Bangladesh for improved planning, *Reviews in Aquaculture* (2010) 2, pp 16-32.
- Mohamed Behnassi, Shabbir A. Shahid (2012). Sustainable agriculture Development, England.
- Park S,S (2012): Tăng trưởng và Phát triển (bản dịch), *Viện quản lý kinh tế Trung ương, Trung tâm thông tin tư liệu*, Hà nội- 2012.